

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 25-9-2017

V/v tranh chấp ly hôn giữa
chị H và anh G

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Út

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Quốc Thịnh**
2. Bà **Nguyễn Thị Mai Hương**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Lệ Trinh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 376/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1986. Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An. Tạm trú: Số 02, đường T, khu phố 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn G, sinh năm: 1974. Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31/7/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn G cưới nhau vào năm 2004, hôn nhân do tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 13/12/2004 tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Long An. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau, không tin tưởng nhau về tiền bạc, không quan tâm lẫn nhau, anh G thường tự quyết định mọi việc liên quan đến tiền bạc cũng như không công khai thu nhập của anh G, vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột của chị ở thị trấn C, huyện C sống từ năm

2013. Mặc dù vợ chồng có mâu thuẫn nhưng vì thương con, chị đã cho anh G có thời gian sửa đổi nên vợ chồng đã hàn gắn tình cảm nhưng anh G vẫn không sửa đổi tính tình làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày thêm trầm trọng nên vợ chồng của chị sống ly thân từ tháng 01 năm 2017 cho đến nay. Nay xét thấy chị không còn tình cảm với anh G, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị yêu cầu được ly hôn với anh G.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị T, sinh ngày 03/11/2004 và Nguyễn L, sinh ngày 11/8/2008, hiện cả hai con đang sống với mẹ. Khi ly hôn, do hai con đều có nguyện vọng sống với mẹ nên chị yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung. Chị không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi hai con.

Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Chị và anh G không có nợ chung.

Bị đơn anh Nguyễn Văn G trình bày tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Anh thống nhất với trình bày của chị H về thời gian tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn và thời gian phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh tự ý quyết định chi tiêu, không bàn bạc với chị H dẫn đến vợ chồng có cãi vã nhau nên chị H bỏ về nhà cha mẹ ruột ở từ năm 2013. Mặc dù vậy, anh vẫn tới lui thăm vợ con, thời gian gần đây anh thường hay ăn nhậu với bạn bè, ít quan tâm đến vợ con nên chị H buồn phiền, vợ chồng cãi nhau và đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2017 cho đến nay. Anh đã nhiều lần thuyết phục chị H để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng chị H không đồng ý. Nay anh không đồng ý ly hôn với chị H vì anh vẫn còn tình cảm với chị H, tuy nhiên anh cũng không có giải pháp nào để vợ chồng hàn gắn.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung đúng như chị H trình bày, hiện cả hai con đang sống với mẹ. Do cả hai con đều có nguyện vọng sống với mẹ, nếu Tòa án giải quyết ly hôn anh đồng ý để chị H được tiếp tục nuôi cả 02 con chung và anh không phải cấp dưỡng nuôi 02 con.

Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Anh và chị H không có nợ chung.

Anh Nguyễn Văn G đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh G không tham gia phiên hòa giải lần hai vào ngày 06/9/2017 và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NH ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn G đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh G có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh G.

[2] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn G. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tố tụng là tranh chấp ly hôn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn G xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2004, hôn nhân do tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 13/12/2004 tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Long An là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Nguyên nhân dẫn đến vợ chồng chị H và anh G có mâu thuẫn với nhau là do bất đồng quan điểm sống, anh G luôn tự quyết định về tiền bạc, thường xuyên ăn nhậu, không quan tâm chăm sóc vợ con, chị H có khuyên nhiều lần nhưng anh G vẫn không sửa đổi. Khi xảy ra mâu thuẫn, chị H và anh G không cùng nhau tìm ra giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và đã sống ly thân từ tháng 01/2017 cho đến nay. Nay chị H yêu cầu được ly hôn với anh G nhưng anh G không đồng ý, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không có kết quả.

Đối với anh Nguyễn Văn G, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh G nhưng anh G không đến tham gia phiên tòa chứng tỏ anh G không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị H để vợ chồng đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh G đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị H yêu cầu được ly hôn với anh G là có căn cứ. Do đó, cần áp dụng Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nH yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh G.

[4] Về nuôi con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thị T, sinh ngày 03/11/2004 và Nguyễn L, sinh ngày 11/8/2008, hiện hai con đang sống với chị H. Anh G đồng ý để cho chị H tiếp tục nuôi hai con chung và hai cháu đều có nguyện vọng sống với mẹ nên yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung của chị H là có căn cứ chấp nH.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu nên không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về chia tài sản: Chị H và anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7] Về nợ: Chị H và anh G đều xác định không có nên không xem xét.

[8] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Chị H và anh G được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H với anh Nguyễn Văn G.

2. Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị H được tiếp tục nuôi hai con chung tên là Nguyễn Thị T, sinh ngày 03/11/2004 và Nguyễn L, sinh ngày 11/8/2008. Anh Nguyễn Văn G không phải cấp dưỡng nuôi hai con do chị H không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp tại biên lai số 0000259 ngày 16/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, chị H đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nH được bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nH:

- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Út